**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 23** *(Từ 20.2.2023 – 24.2.2023)*

**Cách ngôn*:******Kính trên nhường dưới***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/**  **Ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn học** | **Tên bài dạy** |
| **Hai**  *20/2/2023* | **Sáng** | 1 | HĐTT | Sinh hoạt dưới cờ: Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3. |
| 2 | Toán | Bài 53. Luyện tập chung (T2) |
| 3 | Tiếng Việt | Bài 9: Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục. (Tiết 1) |
| 4 | Tiếng Việt | Bài 9: Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục. (Tiết 2) |
| **Chiều** | 1 | Tiếng Việt | Bài 9: Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục. (Tiết 3) |
| 2 | TN&XH | **Bài 20:** Cơ quan tuần hoàn (T1) |
| 3 | Đạo đức |  |
| **Ba**  *21/2/2023* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | Toán | Bài 53. Luyện tập chung (Tiết 3) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 10: Quả hồng của thỏ con (Tiết 1) |
| 3 | Tiếng Việt | Bài 10: Quả hồng của thỏ con (Tiết 2) |
| **Tư**  *22/2/2023* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 | Toán | Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000 (Tiết 1) |
| 4 | L. Toán | Ôn luyện tuần 23 |
| **Năm**  *23/2/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | Bài 54. Phép cộng trong phạm vi 10 000 (Tiết 2) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 10: Quả hồng của thỏ con (Tiết 3) |
| 3 | KNS | Kỹ nằng phòng tránh tai nạn thương tích (Tiết 2) |
| 4 | HĐTN | HĐGDTCĐ: Bên mâm cơm |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Sáu**  *24/2/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | Bài 55. Phép trừ trong phạm vi 10 000 (T1) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 10: Quả hồng của thỏ con (Tiết 4) |
| 3 | Đọc sách | Đọc sách tại thư viện |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | L. T.Việt | Ôn luyện tuần 23 |
| 2 | TN&XH | **Bài 20:** Cơ quan tuần hoàn (T2) |
| 3 | HĐTT | SHL: SHTCĐ: Quy tắc ứng xử khi ăn uống. |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG**

**Bài 01: LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- Đọc đúng, rõ ràng bài Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục.

- Hiểu được nội dung văn bản; hiểu được điều tác giả muốn nói qua VB; muốn xây dựng được đất nước giàu mạnh thì mỗi người dân cần phải mạnh khỏe. Tập thể dục là cách nâng cao sức khỏe.

- Hình thành phẩm chất biết giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua câu chuyện về những trải nghiệm mùa hè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Năng lực văn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 4’** | |
| - HS chơi trò chơi *“Chuyền quà”*  + Câu 1: Đọc đoạn 1 và trả lời câu hỏi: Tìm những câu văn miêu tả rừng Trường Sơn?  + Câu 2: Đọc đoạn 2 và trả lời Nêu những đặc điểm của loài voi  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV cho xem tranh và giới thiệu chủ điểm, dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: Đường lên Trường Sơn có nhiều cánh rừng hoang vu. Trong rừng, cây mọc tầng tầng lớp lớp, núi đá chen lẫn đồi cây, sương phủ quanh năm,...  + Trả lời: Sống thành từng bầy rất đông, ăn rất khỏe để nuôi sống cơ thể to lớn của mình,...  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá** | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản. 18’**  - GV đọc mẫu  - GV HD đọc: Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai, ngắt giọng ở những câu dài câu dài.  - GV HD HS chia đoạn:  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 1.  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2.  - *Giữ gìn dân chủ,/ xây dựng nước nhà,/ gây đời sống mới,/ việc gì cungc cần có sức khỏe/ mới làm thành công; Mỗi một người dân yếu ớt/ tức là cả nước yếu ớt,/ mỗi một người dân mạnh khỏe/ là cả nước mạnh khỏe.//; Ngày nào cũng tập/ thì khí huyết lưu thông,/ tinh thần đầy đủ,/ như vậy là sức khỏe.//.*  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 3.  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi. 13’**  + Câu 1: Bác Hồ đã khẳng định sức khỏe cần thiết thế nào trong xây dựng và bảo vệ đất nước?  + Câu 2: Để có sức khỏe, mỗi người dân cần làm gì?  + Câu 3: Câu nào trong bài cho thấy tấm gương tập thể dục của Bác.  + Câu 4: Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn trong bài  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - Nội dung: *Bài văn cho biết muốn xây dựng được đất nước giàu mạnh thì mỗi người dân cần phải mạnh khỏe. Tập thể dục là cách nâng cao sức khỏe*  **TIẾT 2**  **2.3. Hoạt động: Luyện đọc lại. 10’**  - 1 HS đọc lại toàn bài.  - YC HS luyện đọc nhóm  - Thi đọc giữa các nhóm. | - 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến *cả nước mạnh khỏe*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *là sức khỏe*.  + Đoạn 3: Còn lại.   * HS đọc nối tiếp kết hợp luyện đọc từ khó: *bồi bổ, bổn phận, khí huyết, lưu thông,…*   HS đọc nối tiếp kết hợp luyện đọc câu dài.  HS đọc nối tiếp kết hợp giải nghĩa từ trong SGK.  - Các nhóm luyện đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  + giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe thì mới làm thành công. Một người dân mạnh khỏe là cả nước mạnh khỏe  + Mỗi người dân cần tập thể dục hằng ngày để có sức khỏe./ Để nâng cao sức khỏe, cần luyện tập thể dục đều đặn, thường xuyên./...  + Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập  + Đoạn 1 - sự cần thiết của sức khỏe, đoạn 2- lợi ích của tập thể dục, đoạn 3- kêu gọi toàn dân tập thể dục  - HS nêu theo hiểu biết của mình.  -2-3 HS nhắc lại |
| **3. Nói và nghe: Học từ bạn 20’** | |
| **3.1. Kể về những điều em học được từ bạn.**  - GV gọi HS đọc yêu cầu nội dung.  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm: HS kể cho nhau nghe về điều học được từ bạn  - Gọi HS trình bày trước lớp: Em học được điều gì từ bạn? Em học từ bạn nào? Vì sao em muốn học bạn điều đó?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3.2. Khi học được điều hay từ bạn, em cảm thấy thế nào?**  - GV gọi Hs đọc yêu cầu trước lớp.  - GV cho HS làm việc nhóm 2: Mỗi HS nói về cảm xúc, suy nghĩ của mình khi học điều hay từ bạn  - Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\*Củng cố - dặn dò 3’** | *Kể về những điều em học được từ bạn.*  - HS làm việc nhóm đôi.  - Khi học được điều hay từ bạn, em cảm thấy thế nào?  - HS trình bày trước lớp |
| + Nhắc nhở học sinh tập thể dục đều đặn, phù hợp  - Nhận xét, tuyên dương | - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................ ................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 9: TIẾT 3: NGHE VIẾT: LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Viết đúng chính tả một đoạn trong bài “Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục” trong khoảng 15 phút.

- Viết đúng từ ngữ chứa l/n (hoặc dấu hỏi/ dấu ngã)

**2. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS có ý thức chăm chỉ học tập.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết quan sát, lắng nghe, viết đúng các nét chữ, trình bày đẹp bài chính tả và hoàn thành các bài tập trong SGK.

- Năng lực ngôn ngữ: Viết đúng bài chính tả, làm đúng các BT chính tả.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- HS: SGK, vở viết và VBT Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 4’** | |
| - GV tổ chức trò chơi: “Viết đúng viết nhanh”:  + Câu 1: Chọn tiếng kết hợp với tiếng *dong/ rong*  + Câu 2: Chọn tiếng kết hợp với tiếng *dứt/ rứt*  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời  + Trả lời  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá: Nghe – Viết 20’** | |
| - GV giới thiệu đoạn viết chính tả: từ đầu đến *người yêu nước*  - GV đọc đoạn viết  - Mời 1-2 HS đọc lại  + Đoạn văn trên gồm có mấy câu?  + Đoạn văn trên có những chữ nào viết hoa?  + Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai?  - YC HS viết một số chữ dễ viết sai vào bảng con.  - Để bài viết được đẹp, khi viết chúng ta nên trình bày như thế nào?  - GV đọc cho HS viết.  - GV đọc lại toàn bài cho HS soát lỗi.  - GV cho HS đổi vở dò bài cho nhau.  - GV thu, chấm 5 - 7 bài và nhận xét chung.  **3. Thực hành- Luyện tập 10’**  **Bài 2a: Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông**  - HS nêu yêu cầu.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **Bài 3: Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng l/n (hoặc tiếng chứa dấu hỏi, dấu ngã)**  - HS nêu yêu cầu.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS trả lời  - Những chữ đầu câu.  *giữ gìn, sức khỏe, yếu ớt....*  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS viết bài.  - HS nghe, dò bài.  - HS đổi vở dò bài cho nhau.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc nội dung và nêu yêu cầu.  - HS làm việc nhóm 2  - Kết quả: ***l****i ti,* ***n****ăm cánh,* ***l****ưu li, bông* ***l****ựu, thắp* ***l****ửa,* ***n****ở,* ***l****ộc vừng,* ***l****à*  - Các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc nội dung và nêu yêu cầu.  - HS làm việc nhóm 4.   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ chỉ sự vật | Từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm | | chiếc làn, núi non, nón lá, luống rau,.. | ngập lụt, lan tỏa, nói năng, le lói, ... | |
| **3. Vận dụng 3’** | |
| -Tìm những từ bắt đầu bằng l hoặc n, thi đố cùng bạn rồi đọc và viết lại những chữ có âm đầu l hoặc n.  - GV nhận xét giờ học, dặn dò | - HS thực hiện .  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ................................................................................................................................  ................................................................................................................................ ................................................................................................................................ | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG**

**Bài 10: QUẢ HỒNG CỦA THỎ CON (tiết 1, 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. **Kiến thức – Kĩ năng**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Quả hồng của thỏ con. Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật (thỏ con và đàn chim) trong câu chuyện qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

- Nhận biết được trình tự các sự việc; suy nghĩ và hành động của từng nhân vật cụ thể. Hiểu được tình cảm yêu thương chân thành mà các nhân vật đã dành cho nhau. Hiểu bài học được gửi gắm qua câu chuyện: Nếu dành yêu thương, dành điều tốt đẹp cho người khác, chúng ta cũng sẽ nhận lại được yêu thương cùng những điều tốt đẹp

- Từ câu chuyện Quả hồng của thỏ con, phát triển phẩm chất nhân ái: biết làm những việc tốt, biết yêu thương, giúp đỡ người khác.

- Ôn chữ viết hoa R, S ( thông qua viết tên riêng- Ghềnh Ráng và câu ứng dụng – Về thăm Bình Định quê ta/ Không quên Ghềnh Ráng, Tiên Sa hữu tình.).

**2. Phẩm chất**

- Phát triển phẩm chất chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm

**3. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự học, hợp tác

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Phát triển năng lực văn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

Máy tính, tranh ảnh minh hoạ bài đọc, tranh ảnh về loài động vật,

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** (4p)  - Chơi “Chuyền quà”  + Chọn đọc một đoạn mình thích (nêu lý do thích đoạn đó)  + Em học được điều gì từ bài đọc *Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục*  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  + Theo em, sóc sẽ làm thế nào trong tình huống: cả buổi sáng, sóc mới kiếm được một hạt dẻ. Vừa định thưởng thức món ngon đó thì sóc nhìn thấy nhím đang ủ rủ vì đói.  **2. Khám phá**  **2.1. Đọc văn bản 18’**  a. Đọc mẫu:  - GV đọc mẫu toàn bài, giới thiệu tác giả.  - HD giọng đọc: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. Đọc trôi chảy toàn bài, đọc diễn cảm lời nói của thỏ con và đàn chim  - HD HS chia đoạn   * YC HS đọc nối tiếp kết hợp tìm từ khó đọc. * YC HS đọc nối tiếp kết hợp đọc câu dài.   *Vài ngày sau,/ thỏ đang ngồi nghỉ/ thì đàn chim lại bay đến;//;…*  *+ Hồng của tớ! (hốt hoảng)*  *+ Cho chúng tớ ăn nhé. Chúng tớ đói lả rồi (tha thiết)*   * YC HS đọc nối tiếp kết hợp giải nghĩa từ.   - YC HS luyện đọc theo nhóm 4.  - GV gọi 1-2 HS đọc toàn bài.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi. 13’**  + Câu 1: Khi nhìn thấy cây hồng có quả xanh, thỏ con đã nghĩ gì và làm gì?  + Câu 2: Chuyện gì xảy ra khi thỏ đứng đợi quả hồng rụng xuống?  + Câu 3: Vì sao thỏ nhường quả hồng cho đàn chim?  + Câu 4: Kết hợp ý ở cột A với ý ở cột B sao cho phù hợp với nội dung bài đọc?  + Câu 5: Câu chuyện trên muốn nói với em điều gì?  - GV mời HS nêu nội dung bài  - GV chốt: ***Nếu dành yêu thương, dành điều tốt đẹp cho người khác, chúng ta cũng sẽ nhận lại được yêu thương cùng những điều tốt đẹp***  **TIẾT 2**  **3. 3. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **3.1 Luyện đọc lại. 10’**  + GV đọc diễn cảm cả bài  + Yêu cầu HS luyện đọc nhóm 4.  - Thi đọc giữa các nhóm.  - GV nhận xét.  **3.2 Ôn chữ viết hoa 20’**  - GV dùng video giới thiệu lại cách viết chữ hoa R, S  https://loga.vn/LogaFileCKfinder/20190120/image(25).png  - GV viết mẫu lên bảng.  - GV cho HS viết bảng con  - Nhận xét, sửa sai.  - GV cho HS viết vào vở.  - GV chấm một số bài, nhận xét tuyên dương.  **b Viết ứng dụng**  **\*. Viết tên riêng.**  - GV mời HS đọc tên riêng.  - GV giới thiệu: Ghềnh Ráng là khu du lịch nổi tiếng tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.  - GV yêu cầu HS viết tên riêng vào vở.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **\*. Viết câu.**  - GV yêu cầu HS đọc câu.  - GV giới thiệu cho HS biết danh thắng Ghềnh Ráng (tỉnh Bình Định). Nơi đây có nhiều địa điểm hấp dẫn: bãi tắm Tiên Sa, bãi đá trứng, nhà thờ đá, mộ Hàn Mặc Tử...Bãi tắm Tiên Sa đẹp nao lòng, gắn với truyền thuyết về một người con gái xinh đẹp, nết na. Bãi đá trứng ( hay còn gọi là bãi tắm hoàng hậu) độc đáo với những hòn đá trơn nhẵn màu xanh nhạt, tròn như quả trứng chim khổng lồ, xếp từng lớp bên làn đá trong veo - GV nhắc HS viết hoa các chữ trong câu thơ: V, B, Đ, K, G, R, T, S . Lưu ý viết đúng chính tả các chữ về, hữu,...và cách viết lùi đầu dòng ở thể thơ lục bát.  - GV cho HS viết vào vở.  - GV nhận xét, tuyên dương một số bài.  **\*Củng cố - dặn dò 3’**  + Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  + Tìm câu chuyện, bài văn, bài thơ về việc làm tốt  - Nhận xét, tuyên dương | - HS nhắc lại: Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục  + Chọn đọc 1 đoạn và nêu lý do thích đoạn đó  + Để nâng cao sức khỏe phải luyện tập thể dục thể thao,...  - HS lắng nghe.  + HS trả lời  - HS lắng nghe.  - Chia thành 4 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến *không biết trèo cây*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *ríu rít mổ ăn quả hồng*.  + Đoạn 3: Tiếp theo cho đến *rồi bay đi*.  + Đoạn 4: Còn lại.  - Đọc nối tiếp, tìm từ khó: *thưởng thức, cầu khẩn, ríu rít, sườn núi, lúc lỉu,…*  - Đọc nối tiếp  - HS luyện đọc trong nhóm  + Khi nhìn thấy cây hồng có quả xanh, thỏ con đã nghĩ chờ hồng chín, sẽ thưởng thức vị ngọt lịm của nó và thỏ đã chăm chỉ tưới nước cho cây hằng ngày.  + Khi thỏ đứng đợi quả hồng rụng xuống thì có đàn chim bay đến định ăn quả hồng.  + Thỏ nhường quả hồng cho đàn chim vì biết đàn chim đang đói lả và cầu khẩn xin quả hồng/ vì thỏ thương đàn chim đang đói bụng/....  + Đàn chim ngạc nhiên- khi thấy thỏ chưa được ăn hồng bao giờ; Đàn chim ái ngại- khi đã ăn mất quả hồng của thỏ; Đàn chim xúc động- khi thấy thỏ muốn chúng được no bụng.  + Nếu yêu thương mọi người, chúng ta sẽ được nhận lại sự yêu thương./ Nếu giúp đỡ người khác, chúng ta sẽ nhận lại được sự giúp đỡ lúc cần thiết./...  - HS nêu theo hiểu biết của mình.  - 2-3 HS nhắc lại nội dung bài .  - HS lắng nghe, đọc nhẩm theo  - 4 HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp.  - HS quan sát video.  - HS quan sát.  - HS viết bảng con.  - HS viết vào vở chữ hoa R, S  - HS đọc tên riêng: Ghềnh Ráng.  - HS lắng nghe.  - HS viết tên riêng Ghềnh Ráng vào vở.  - 1 HS đọc yêu câu:  *Về thăm Bình Định quê ta*  *Không quên Ghềnh Ráng, Tiên Sa hữu tình*  - HS lắng nghe.  - HS viết câu thơ vào vở.  - HS nhận xét chéo nhau.  - Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 10: TIẾT 3: LUYỆN TẬP: TỪ CÙNG NGHĨA – DẤU GẠCH NGANG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- H biết tìm từ giống nghĩa với từ đã cho (từ in đậm): chăm chỉ, kiên nhẫn

- Biết tìm từ theo yêu cầu và đặt câu với từ đó.

- Nhận diện và hiểu được tác dụng của dấu gạch ngang đặt ở đầu câu để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

- Biết sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói của nhân vật

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết tìm từ cùng nghĩa, đặt câu, nhận diện được dấu gạch ngang và biết vị trí của dấu gạch ngang trong câu.

- Phẩm chất nhân ái: Tìm được từ cùng nghĩa, đặt được câu hoàn chỉnh.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Hiểu được từ cùng nghĩa ( từ giống nghĩa), đặt được câu, tác dụng của dấu gạch ngang đặt ở dấu câu để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia nhận biết được câu hỏi với từ để hỏi.

- Năng lực ngôn ngữ: Làm đúng các bài tập

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 3’** | |
| - GV tổ chức “Ai nhanh hơn”  + Trò chơi: nêu các từ chỉ sự vật, đặc điểm  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.  + Học sinh tham gia chơi đối từ  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.* | |
| **Hoạt động 1: Tìm được từ có nghĩa giống với từ in đậm 10’**  - GV cho HS làm việc theo nhóm  GV nhận xét, kết luận.  Để trở thành học sinh xuất sắc em cần có đức tính gì?  **Hoạt động 2: Tìm 2-3 từ chỉ màu xanh và đặt câu với các từ đó 10’**  - GV gọi 1 – 2 em đọc yêu cầu  - GV nhận xét, tuyên dương  Cho HS quan sát hình ảnh của một số sự vật có màu xanh khác nhau.  **Hoạt động 3: Lời nói của thỏ và đàn chim được nói với nhau được đánh dấu bằng dấu câu nào? Nêu vị trí cua dấu câu đó? (làm việc cá nhân, nhóm 2). 10’**  + GV mời Hs đọc đoạn văn  + Tìm trong bài có những lời đối thoại nào?  + Những lời nói đó được đánh dấu bằng dấu câu nào?  + Dấu câu đó được đặt ở vi trí nào trong câu?  + GV yêu cầu các nhóm thảo luận nêu tác dụng của dấu gạch ngang đó?  - GV nhận xét và chốt lại | - HS làm việc theo nhóm  **Chăm chỉ:** *chăm, siêng năng, cần cù, chịu khó,…*  **Kiên nhẫn:** *kiên trì, nhẫn nại, bền gan, bền bỉ, bền lòng,…*  1-2 H đọc yêu cầu  HS trao đổi nhóm 4: *xanh biếc, xanh thắm, xanh thẳm, xanh lơ, xanh thẫm, xanh um, xanh rì, xanh rờn, xanh trong, xanh mướt, xanh xám,...*  *Dấu gạch ngang*  Ở đầu câu  *dùng để đánh dấu lời nói của nhân vật* |
| **\*Củng cố - dặn dò 2’** | |
| - Nhận xét giờ học, dặn dò. |  |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 10: TIẾT 4: Luyện tập: Viết đoạn văn nêu lí do em thích hoặc không thích trong chuyện Quả hồng của thỏ con**

1. **Yêu cầu cần đạt**
2. **Kiến thức – Kĩ năng**

- Nói được về điều em thích ( hoặc không thích) một nhân vật trong câu chuyện Quả hồng của thỏ con, giải thích được lý do thích (hoặc không thích)

**2. Phẩm chất**

- Rèn phẩm chất chăm chỉ, trung thực, tránh nhiệm

**3. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự học; năng lực ngôn ngữ; năng lực cảm thụ văn học.

**II. Đồ dùng dạy học**

* Máy tính, SGK, vở Tiếng Việt

1. **Các hoạt động dạy và học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** |
| **1. Khởi động 3’**  - GV tổ chức HÁT  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá**  **2.1. Hoạt động 1: Đọc lời tranh luận và phát biểu ý kiến**  **Bài tập 1:** Đọc lời tranh luận của các bạn trong tranh và phát biểu ý kiến của em về thỏ con  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV gợi ý: Bạn nào khen thỏ về hình thức bên ngoài? Bạn nào khen thỏ về cách nói năng? Bạn nào khen thỏ về việc làm tốt của thỏ?  - GV nhận xét, tuyên dươn.  **2.2.Hoạt động 2: Nói điều em thích (hoặc không thích)**  **Bài tập 2:** Viết đoạn văn nêu lý do em thích (hoặc không thích) một nhân vật trong câu chuyện *Quả hồng của thỏ con*  **a. Viết đoạn văn**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm 2: nhớ lại câu chuyện *Quả hồng của thỏ con,* tìm nhân vật mình thích (hoặc không thích) và nêu lý do  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - HS viết lại những điều đã nói vào vở ( 2-3 câu)  **b. Đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và sửa lỗi**  - GV mời HS đọc lại đoạn văn đã viết.  - GV mời HS góp ý cho bạn  - GV nhận xét, tuyên dương những bài viết tốt  **\*Củng cố - dặn dò 3’**  - GV cho HS nói về những điều thích hoặc không thích một nhân vật nào đó trong các câu chuyện các em đã đọc hoặc trong cuộc sống.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS làm việc theo nhóm 2  - Các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  - HS viết vào vở  - 1-2 HS đọc đoạn văn.  - HS góp ý  - HS đổi vở, đánh giá |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

....................................................................................................................................

...................................................................................................................................

....................................................................................................................................

**TOÁN**

**Bài 53: LUYỆN TẬP CHUNG. (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

- Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2.Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**3. Năng lực**

**-**  HS được rèn luyện NL tư duy, lập luận logic, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 4’**  - GV tổ chức trò chơi “Con vật em yêu”  (Kèm PP)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** *30’*  **Bài 1. Làm việc cả lớp.**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài  - GV mời 2 HS lên bảng trình bày bài làm a và b.  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2.**  - GV hướng dẫn HS phân tích đề  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3**.  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu cả lớp làm bài theo nhóm 4.  **-** GV nhận xét, tuyên dương, Kết luận:  *Từ miến bìa A, ta cắt bỏ hai bên mỗi bên 3 ô vuông ta được hình B và C. 2 hình B và C mỗi hình đều thiếu 4 ô vuông. Vậy hình B và C có diện tích bằng nhau.*  **Bài 4.**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV HD HS phân tích đề toán  **-** Gv nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm cá nhân.  a. 9 x 9 = 81cm2  b. 9 x 6 = 54 cm2  - 2 HS lên bảng trình bày  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS tóm tắt:  + Chiều rộng: 🡪 6cm  + Chiều dài: ?cm  + Tính diện tích?  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải.  *Giải*  *Chiều dài hình chữ nhật là:*  *6 x 2 = 12 (cm)*  *Diện tích hình chữ nhật là:*  *12 x 6 = 72 (cm2)*  Đáp số: 72 cm2  - 1 HS đọc đề bài  - Làm theo nhóm 4  - Hai miếng bìa B và C có diện tích bằng nhau.  - Đại diện nhóm trình bày.  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS tóm tắt bài toán  + Chu vi hình vuông: 36cm.  + Tính diện tích?  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải.  *Giải*  *Cạnh hình vuông là:*  *36 : 4 = 9 (cm)*  *Diện tích hình vuông là:*  *9 x 9 = 81 (cm2)*  *Đáp số: 81 cm2*  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **3. Vận dụng.**  - GV tổ chức thực hành để học sinh đo và tính diện tích.  + Vật liệu: tờ giấy hình vuông; 2 tờ giấy A4 hình chữ nhật (kính thước tuỳ ý gv)  + 1 số thước kẻ có vạch cm  - GV nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS chia tổ để thực hành.  - Các tổ đo, tính diện tích các miếng bìa |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**Bài 53: LUYỆN TẬP CHUNG. (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng**

- Tiếp tục củng cố kiến thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

- Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2.Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**3. Năng lực**

**-**  HS được rèn luyện NL tư duy, lập luận logic, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 4’**  - GV tổ chức trò chơi “Em yêu biển đảo Việt Nam” (Kèm PP)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** *30’*  **Bài 1.**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - HD HS phân tích đề.  - GV mời 1 HS tóm tắt bài toán.  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2.**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài và tóm tắt bài toán.  - YC HS làm cá nhân  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3.**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  **-** GV nhận xét, tuyên dương, Kết luận:  *+ Tờ giấy màu xanh da trời và tờ giấy màu vàng có cùng chu vi.*  *+ Tờ giấy màu xanh da trời có diện tích bé hơn diện tích tờ giấy màu vàng.*  *Do đó, tờ giấy màu xanh da trời là do Nam cắt được, tờ giấy màu vàng là do Việt cắt được.* | - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS đọc đề bài và tóm tắt:  + Có 9 tấm gỗ.  + Mỗi tấm có: chiều dài: 45cm, chiều rộng 9cm.  + Tính diện tích mảng nền nhà?  - Thảo luận nhóm 2 tìm cách giải  *Giải*  *Diện tích một tấm gỗ là:*  *45 x 9 = 405 (cm2)*  *Diện tích mảng nền nhà là:*  *405 x 9 = 3645 (cm2)*  *Đáp số: 3645 cm2*  - 1 HS đọc đề bài  *a. - Diện tích hình chữ nhật ABCD là:*  *8 x 6 = 48(cm2)*  *- Diện tích hình chữ nhật DNMP là:*  *10 x 7 = 70(cm2)*  *Diện tích của hình H là:*  *48 + 70 = 118 (cm2)*  *Đáp số: a. 48 cm2;* 70 cm2  b: 118 cm2  - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài theo nhóm 4.  *Xanh da trời: 30cm; 24 cm2*  *Xanh lá cây: 22cm ; 28 cm2*  *Vàng : 20cm ; 25 cm2*  *+ Nam cắt được tờ giấy màu xanh da trời.*  *+ Việt cắt được tờ giấy màu vàng.*  *+ Mai cắt được tờ giấy màu xanh lá cây.* |
| **3. Vận dụng 3’**  - GV tổ chức thực hành để học sinh đo và tính diện tích.  + Vật liệu: bàn học sinh, bảng con  + 1 số thước kẻ có vạch cm  - GV nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS chia tổ để thực hành.  - Các tổ đo, tính diện tích. |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 54: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 000 (T1) – Trang 38**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng**

- HS thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2.Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**3. Năng lực**

**-**  HS được rèn luyện NL tư duy, lập luận logic, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Bộ đồ dùng học toán, SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 3’**  [+ Việt Nam có bao nh](https://blogtailieu.com/)iêu dân tộc anh em?  [+ Hãy kể tên một sổ d](https://blogtailieu.com/)ân tộc mà em biết.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá 12’**  [- Các em có nghe nói](https://blogtailieu.com/) về dân tộc Cống và dân tộc Lô Lô ch[ưa?](https://blogtailieu.com/)  -  [“Dân tộc Cống có](https://blogtailieu.com/) [2 729 người, dân tộc](https://blogtailieu.com/) Lô Lô có 4 827 người. Hỏi hai dân tộc [có tất cả bao nhiêu người?”](https://blogtailieu.com/)  - [GV yêu cầu HS đưa](https://blogtailieu.com/) ra phép tính  - [GV nhấn mạnh lại c](https://blogtailieu.com/)ách đặt phép tính cộng (tính dọc), s[au đó hướng dẫn HS thực](https://blogtailieu.com/) hiện cộng từng hàng lần lượt từ phải qua trái (tương tự nh[ư phép cộng có nhớ trong](https://blogtailieu.com/) [phạm vi 1 000).](https://blogtailieu.com/) | - HS nêu  - HS lắng nghe tình huống  - HS lần lượt nêu phép tính.  - HS thực hiện vào bảng con  - 1 HS lên bảng thực hiện; Nêu cách làm.  - Lắng nghe |
| **3. Thực hành 18’**  **Bài 1.**  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2.**  **Bài 3:**  - GV gọi HS đọc đề; HD phân tích đề:  [+ Đề bài cho biết gì, h](https://blogtailieu.com/)ỏi gì?  [+ Cần thực hiện phép](https://blogtailieu.com/) tính gì?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS làm việc cá nhân bảng con.  - Nối tiếp lên bảng tính (BT1)  6428 2576 4 625 837  + 3481 + 4518 + 826 + 524  - BT2 đặt tính rồi tính.  - Làm vở cá nhân.  3628 + 4845 ; 4252 + 5284 ; 3847 + 635  - HS đọc đề;  - Trả lời.  - HS làm vào vở.  *Bài giải*  [Vụ mùa năm na](https://blogtailieu.com/)y, bác Dương thu hoạch được sổ ki-l[ô-gam thóc là:](https://blogtailieu.com/)  2 530 + 550 = 3 080 (kg)  *Đáp số:* 3 080 kg. |
| **3. Vận dụng. 3’**  + Bài tập: Đúng điền Đ; Sai điền S vào chỗ chấm:  a) 4625 b) 4 625 c) 4 625  + 438 + 438 + 438  9005….. 5053 …… 5063 ……  - Nhận xét, tuyên dương | - Đáp án: a – S; b – S; c. - Đ |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ....................................................................................................................................  ...................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 54: TIẾT 2: LUYỆN TẬP – Trang 39**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng**

- HS thực hiện được phép cộng [các số có đến bốn chữ s](https://blogtailieu.com/)ố [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Rèn kĩ năng tính nhẩm, kĩ năng tính đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

**2.Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**3. Năng lực**

**-**  HS được rèn luyện NL tư duy, lập luận logic, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Bộ đồ dùng học toán, SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 4’**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: Tìm nhà cho thỏ.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  +HS đặt tính và tính đúng thì sẽ giúp thỏ tìm được nhà của mình  3628 + 4845 ; 4252 + 5284 ; 3847 + 635  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập 30’**  **Bài 1,2.**  Trò chơi “Đố bạn”  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:**  **Bài 4:**  - GV gọi HS đọc đề; HD phân tích đề:  [+ Đề bài cho biết gì, h](https://blogtailieu.com/)ỏi gì?  [+ Để trả lởi được câu](https://blogtailieu.com/) hỏi của đề bài cần tính gì?  [+ Tính số khán già ở k](https://blogtailieu.com/)hán đài B như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương. | BT 1  a) 6000 + 2000 = 8 000 b) 3000 + 4000=7000  c) 5000 + 4000=9000 d) 1000 + 9000= 10000  BT 2  a) 3200 + 700=3900 b) 5000 + 500=5500  c) 8800 + 200=9000 d) 6100 + 800=6900  ­­- HS đọc đề  - Thảo luận nhóm đôi, tìm câu trả lời.  a) 5800 + 2000 b) 5800 + 2500  c) 5800 + 2200  [Kết quả: Dế mèn sẽ đ](https://blogtailieu.com/)ến cửa hang B.  - HS đọc đề;  - Trả lời.  -Tính số [khán giả ở khán đài B.](https://blogtailieu.com/)  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải.  Bài giải  Số khán giả ở khán đài B là:  4 625 + 438 = 5 063 (người)  Số khán giả ở cả hai khán đài là:  4 625 + 5 063 = 9 688 (người)  Đáp số: 9 688 người. |
| **3. Vận dụng. 2’**  **-** Trờ chơi Ai nhanh, ai đúng?  - Nhận xét, tuyên dương | a. 7000 + 2000 b. 5400 + 200  c. 4800 + 200 c. 2600 + 400 |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ....................................................................................................................................  ...................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 55: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 000 (T1) – Trang 41**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. kiến thức, kĩ năng**

- HS thực hiện được phép trừ các số có đến bốn chữ số [(có nhớ không quá hai l](https://blogtailieu.com/)ượt và không liên tiếp).

- Lựa chọn được phép toán đế giải quyết được các bài tập li[ên quan đến phép toán.](https://blogtailieu.com/)

**2.Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**3. Năng lực**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: máy tính, bài giảng PowerPoint.

- HS: Bộ đồ dùng học toán, SGK, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động 3’**  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | a. 3200 + 700 b. 5000 + 500  c. 8600 + 200 c. 6100 + 800  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá 12’**  [[+ Em hãy kể tên một số](https://blogtailieu.com/) ngọn núi ở Việt Nam.](https://blogtailieu.com/)  [[+ Đỉnh núi nào cao nhấ](https://blogtailieu.com/)t ở Việt Nam?](https://blogtailieu.com/)  [[+ Đinh núi Phan-xi-păn](https://blogtailieu.com/)g cao bao nhiêu mét (so với mực nư[ớc biển)?](https://blogtailieu.com/)](https://blogtailieu.com/)  “Đỉnh núi nào cao [hơn và cao hơn bao n](https://blogtailieu.com/)hiêu mét nhỉ?”  - [GV yêu cầu HS đưa](https://blogtailieu.com/) ra phép tính thích hợp.  - [GV nhấn mạnh lại c](https://blogtailieu.com/)ách đặt phép tính trừ (tính dọc), s[au đó hướng dẫn HS thực](https://blogtailieu.com/) hiện trừ từng hàng lần lượt từ phải qua trái (tương tự nh[ư phép trừ có nhớ trong](https://blogtailieu.com/) [phạm vi 1 000).](https://blogtailieu.com/) | | - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe tình huống  - HS lần lượt nêu phép tính.  - HS thực hiện vào bảng con  - 1 HS lên bảng thực hiện; Nêu cách làm. |
| **3. Thực hành 18’**  **Bài 1,2.**  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3:**  - GV gọi HS đọc đề; HD phân tích đề:  [+ Đề bài cho biết gì, h](https://blogtailieu.com/)ỏi gì?  [+ Cần thực hiện phép](https://blogtailieu.com/) tính gì?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS làm việc cá nhân.  - Nối tiếp lên bảng tính (BT1)  Lớp làm bảng con  5274 7668 2384 6729  - 2928 - 5809 - 827 - 43  - BT2 làm vở  4291 – 3864; 8380 – 6425; 6635 - 807  - HS đọc đề;  - Trả lời.  - HS làm vào vở.  *Bài giải*  [*Sôn*](https://blogtailieu.com/)*g Nin dài hơn sông Hồng sổ ki lô-m*[*ét là:*](https://blogtailieu.com/)  *6 650 - 1149 = 5501 (km*)  *Đáp số:* 5501 km. | |
| **3. Vận dụng. 3’**  **-** Trò chơi Ai nhanh, ai đúng?  a) 4655 b) 4 655 c) 4655  - 438 - 438 - 438  275….. 4217 …… 4227 ……  - Nhận xét, tuyên dương | - Đáp án: a – S; b – Đ; c - S | |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  ....................................................................................................................................  ...................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | | |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Bài 20: CƠ QUAN TUẦN HOÀN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức – Kĩ năng: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan tuần hoàn trên sơ đồ.

- Nhận biết và trình bày được chức năng của cơ quan tuần hoàn ở mức độ đơn giản qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân như phát hiện tim và mạch máu đập.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu quý mọi người, yêu quý bản thân có ý thức bảo vệ các cơ quan trên cơ thể con người.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 3’** | |
| - GV mở bài hát “Tập thể dục buổi sáng” để khởi động bài học.  + GV nêu câu hỏi: Muốn có một sức khỏe tốt chúng ta nên làm gì?  - Em hãy đặt tay lên ngực trái hoặc lên cổ và ấn nhẹ em cảm thấy như thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới:  Muốn biết bộ phận nào đang đập thình thịch bên ngực trái hoặc ở cổ, …chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài: “ Cơ quan tuần hoàn” | - HS lắng nghe bài hát.  + Trả lời: thường xuyên luyện tập thể thao và ăn uống khoa học.  - Thấy có tiếng đập thình thịch từng nhịp. |
| **2. Khám phá***:* | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu về các bộ phận của cơ quan tuần hoàn. 15’**    + Cơ quan tuần hoàn gồm những bộ phận nào?  *+* Các mạch máu tạo thành hệ mạch kín trong cơ thể người bao gồm những bộ phận nào?  + Gọi 3- 4 HS lên chỉ bộ phận của cơ quan tuần hoàn trên sơ đồ?  - GV chốt HĐ1 và mời HS đọc lại.  *Cơ quan tuần hoàn gồm tim và các mạch máu. Các mạch máu tạo thành hệ mạch kín trong cơ thể người bao gồm: động mạch, tĩnh mạch và mao mạch. Máu lưu thông trong các mạch máu là một chất lỏng màu đỏ.* | + Gồm: Tim và các mạch máu.  + động mạch, tĩnh mạch và mao mạch.  + HS lên chỉ 2 bộ phận tim và các mạch máu trên sơ đồ.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| **Hoạt động 2. Tìm hiểu chức năng của từng bộ phận của cơ quan tuần hoàn. 15’**  + Quan sát tranh, đọc thông tin và lên chỉ vào động mạch, tĩnh mạch và mao mạch trên sơ đồ.  + Yêu cầu HS đọc các thông tin trong sơ đồ giới thiệu.  + Nếu tim ngừng đập cơ thể sẽ như thế nào?  - Nhận xét, KL:  + Vòng tuần hoàn lớn: Đưa máu chứa nhiều ô – xi và chất dinh dưỡng từ tim đi nuôi các cơ quan của cơ thể, đồng thời nhận khí các- bô- nic và chất thải của các cơ quan rồi chở về tim.  + Vòng tuần hoàn nhỏ: Đưa máu từ tim đến phổi lấy khí ô- xi và thải ra khí các- bô- nic rồi chở về tim.  + Vậy chức năng của cơ quan tuần hoàn là gì?  - GV chốt nội dung HĐ2 và mời HS đọc lại:  *Cơ quan tuần hoàn vận chuyển máu đi khắp cơ thể.* | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + 2 HS của 2 nhóm lên trình bày  + Động mạch: đưa máu từ tim đến các cơ quan.  + Tĩnh mạch: đưa máu từ các cơ quan của cơ thể về tim.  + Mao mạch: nối động mạch với tĩnh mạch.  + Tim: co bóp, đẩy máu đi khắp cơ thể.  + Nếu tim ngừng đập cơ thể mất tri giác và ngừng thở, mạch không bắt được, huyết áp không đo được, sẽ dẫn đến tử vong chỉ trong vòng vài phút.  - Lắng nghe  - Cơ quan tuần hoàn vận chuyển máu đi khắp cơ thể.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ2 |
| **\*Củng cố - dặn dò 3’** | |
| - GV gọi HS nêu lại các bộ phận của cơ quan tuần hoàn.  - Nêu chức năng của cơ quan tuần hoàn  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | * HS trả lời * HS trả lời |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**Bài 20: CƠ QUAN TUẦN HOÀN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Lắp ghép được các thẻ chữ thích hợp vào các sơ đồ cơ quan tuần hoàn.

- Nêu được chức năng của các cơ quan tuần hoàn.

- Biết luật chơi và tham gia trò chơi liên quan đến bài học

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu quý mọi người, yêu quý bản thân có ý thức bảo vệ các cơ quan trên cơ thể con người.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình… trong các hoạt động học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 4’** | |
| - Hs chới trò chơi “Chuyền quà”  + Cơ quan tuần tuần hoàn gồm mấy bộ phận là những bộ phận nào?  + Nêu chức năng của cơ quan tuần hoàn.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe bài hát.  + Trả lời: Gồm 2 bộ phận Tim và mạch máu..  + Trả lời: Vận chuyển máu đi khắp cơ thể. |
| **2. Thực hành** | |
| **Hoạt động 1. Chơi trò chơi “ Lắp thẻ chữ”**  **-** GV chia nhóm, phát các thẻ từ và phát tranh câm của cơ quan tuần hoàn cho các nhóm.    + Từng HS trong nhóm thực hiện ghép các bộ phận của cơ quan tuàn hoàn vào bộ tranh?  + Mỗi HS chia sẻ với các bạn trong nhóm về tên các bộ phận cơ quan tuần hoàn vừa hoàn thành.  - GV mời các nhóm HS treo sản phẩm của mình lên bảng và chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  *+ GV chốt đáp án: 1. Tim, 2. Các mạch máu, 3.Mao mạch phổi, 4. Tim, 5. Tĩnh mạch, 6. Động mạch, 7. Mao mạch các cơ quan nối động mạch với tĩnh mạch.* | - HS chuyển hình thức nhóm 4  - Từng HS trong nhóm ghép thẻ vào bảng.  - HS chia sẻ  - Các nhóm thực hiện  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **Hoạt động 2. Tìm nhịp đập của mạch**    + Tìm mạch trên cổ tay hoặc cổ?  - GV nhận xét chung, tuyên dương và bổ sung.  **Hoạt động 3. Tìm và đếm nhịp đập của tim.**  - GV mời từng cặp HS quan sát hình 5 và hướng dẫn đặt tay lên ngực trái để tìm nhịp dập của tim.  + Đếm số nhịp đập của em trong 1 phút khi ngồi yên và sau khi vận động một lúc?  + GV cho HS điền vào bảng theo gợi ý.  + Tại sao khi vận động số nhịp đập của tim lại tăng cao hơn.  + Mời 2 HS chia sẻ số nhịp đập của tim mà em đếm được.  - Mời HS đọc phần Em có biết  - Lưu ý các em về Hiến máu nhân đạo- một nghĩa cử cao đẹp.  - Mời HS đọc phần Ông mặt trời và ghi nhớ nội dung bài học.  - GV nhận xét chung và tuyên dương. | - Học sinh chia nhóm 2, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  + 1 bạn đặt ngón tay tìm mạch ở cổ tay, 1 bạn đưa ngón tay tìm mạch ở cô và chia sẻ về nhịp đập của mạch với bạn.  - Học sinh làm việc nhóm để trả lời câu hỏi.  + 4-5 học sinh trả lời theo hiểu biết của mình.  - HS thực hành.  - Học sinh chia sẻ. |
| **\*Củng cố - dặn dò 2’** | |
| * GV gọi HS nêu lại các bộ phận của cơ quan tuần hoàn. * Nêu chức năng của cơ quan tuần hoàn * Nhận xét giờ học và chuẩn bị bài sau. | * HS nhắc lại * HS nêu * Lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Bên mâm cơm.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Xây dựng được quy tắc ứng xử trong ăn uống để có thể đảm bảo an toàn trong bưa ăn gia đình.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức quan tâm đến mọi người xung quanh

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: xây dựng được quy tắc ứng xử trong mâm cơm.

**3. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Rèn năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động ( 3 phút )** | |
| -Yêu cầu cả lớp hát bài Có ông bà, có ba má.  GV nêu yêu cầu “bữa ăn gia đình em thường ăn những món gì” theo gợi ý:  - Bữa tối gia đình em có tập trung ăn cơm trong gia đình không  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - Hs Hát  + HS trả lời theo ý hiểu của mình  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  **Hoạt động 1: Sắm vai bác sĩ “ Ôi đau quá” (15 phút)** | |
| - GV cho học sinh đọc nội dung HĐ  - GV tổ chức thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:  ? Phải làm gì để không bị đau bụng khi ăn uống?  ? Phải làm gì để không bị hóc và nghẹn khi ăn?  \*Kết luận: *Khi ăn uống chúng ta phải biết giữ vệ sinh, ăn uống và ứng xử phải phù hợp trong bữa ăn không sẽ gây hại cho chúng ta về sức khỏe.*  **Hoạt động 2: Xây dựng quy tắc ứng xử trong ăn uống.(15p)**  HS thảo luận nhóm 4  -Trước bữa ăn chúng ta thường làm gì?  -Trong bữa ăn chúng ta thường làm gì?  - Sau bữa ăn chúng ta làm công việc gì?  -Yêu cầu Hs xây dựng quy tắc ứng xử trong bữa ăn  -Gọi các nhóm trình bày trước lớp  = GVNX bổ sung trong bữa ăn cần ngồi đúng chỗ nhai thật kĩ và không làm việc riêng.  **3. Vận dụng. (5 phút)**  Yêu cầu học sinh nêu quy tắc trong nhà ăn bán trú  - GV mời đại diện HS lên chia sẻ  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận.  => Kết luận: *Chúng ta cần phải biết việc ăn uống trong bữa ăn là rất cần thiết vì mọi người đảm bảo sức khỏe để làm việc vì vậy cần ăn uống sạch sẽ và hợp lý trong khi ăn uống.* | - HS quan sát tranh, đọc nội dung.  - Nhóm 6 đóng vai và trình bày.  -Phải uống nước đun sôi, ăn phải nhai kĩ  - Phải nhai kĩ trước khi nuốt, ăn miếng vừa phải dể tránh nghẹn, ăn phải từ từ ...  - HS thảo luận theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi:  - Rửa tay sạch sẽ, mời mọi người ăn cơm  - Ăn cơm nhai cho kĩ thức ăn và dùng đũa, thìa riêng cho bản thân, không được đi lung tung, làm việc riêng trong lúc ăn cơm.  - Dọn dẹp bát đũa cùng bố mẹ, giúp đỡ bố mẹ rửa bát, làm công việc phù hợp.  - Hs thảo luận trong nhóm  HS trình bày trước lớp quy tắc ứng xử trong bữa ăn của nhóm mình.  - HS lên chia sẻ trước lớp  - HS nêu câu trả lời theo ý kiến của mình  - 2-3 HS nêu ý kiến chia sẻ |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**  ....................................................................................................................................  ....................................................................................................................................  .................................................................................................................................... | |

**Hoạt động trải nghiệm- Sinh hoạt lớp**

**Sinh hoạt theo chủ đề: Quy tắc ứng xử khi ăn uống**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS chia sẻ những điều đã làm được hoặc những khó khăn khi thực hiện các quy tắc vệ sinh, an toàn khi ăn uống.

- Tự tin về bữa ăn của gia đình mình.

- Bản thân tự tin về những việc làm cụ thể để đảm bảo an toàn trong ăn uống .

- Biết xây dựng xây dựng được quy tắc ứng xử trong ăn uống để có thể đảm bảo an toàn trong bữa ăn gia đình

- Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về quy tắc ứng xử trong ăn uống để có thể đảm bảo an toàn trong bữa ăn gia đình.

- Tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về quy tắc ứng xử trong ăn uống để có thể đảm bảo an toàn trong bữa ăn gia đình.

- Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để cùng những người thân trong gia đình chuẩn bị những bữa ăn an toàn cho cả gia đình.

- Có ý thức với mọi người trong gia đình và cả xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.Giáo viên**: Máy tính

**2. Học sinh**: SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động 3’** Trò chơi “Chuyền quà”  Em hãy nêu những việc nên làm: trước bữa ăn, trong bữa ăn, sau bữa ăn.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Sinh hoạt cuối tuần 15’**  **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần.**  - GV yêu cầu lớp Trưởng đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  + Kết quả sinh hoạt nền nếp.  + Kết quả học tập.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  - GV mời các tổ nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới.**  -GV yêu cầu lớp Trưởng triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.  **3. Sinh hoạt chủ đề 15’**  **Hoạt động 1. Chia sẻ về việc thực hiện quy tắc đảm bảo vệ sinh an toàn trong bữa ăn gia đình.**  + Chia sẻ cùng bạn về kết quả thu hoạch của mình về việc không giữ vệ sinh khi ăn uống và ứng xử không phù hợp trong bữa ăn.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Hoạt động 2: Chia sẻ về việc thực hiện quy tắc đảm bảo vệ sinh an toàn trong bữa ăn nhà trường**  - GV đề nghị HS chia sẻ với bạn bên cạnh theo những gợi ý sau:  + Em quan sát thấy bạn bè có rửa tay trước khi ăn không?  + Em có vừa ăn vừa nói chuyện, cười to bắn nước miếng không? Em ngồi một chỗ hay vừa ăn vừa đi lại nhấp nhỏm?  + Em có dùng đũa khuấy vào bát canh chung không?  + Em có vừa ăn vừa uống không?  + Có ai vừa ăn vừa đọc sách không?  …..  - Tuyên dương.  **\*Củng cố - dặn dò 3’**  - Thực hiện quy tắc ứng xử khi ăn uống ở trường, ở nhà và những nơi khác.  Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS trình bày  - Lớp Trưởng đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số tổ nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Lớp Trưởng triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - HS thảo luận nhóm 2.  - Các nhóm giới thiệu về kết quả thu hoạch của mình.  - HS chia sẻ nhóm 4  - Các nhóm cùng viết, tô màu màu một khẩu hiệu vui để nhắc nhở việc đảm bảo an toàn trong ăn uống. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**ĐẠO ĐỨC**

**CHỦ ĐỀ 6: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**

**Bài 07: KHÁM PHÁ BẢN THÂN (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Nêu được vì sao cần biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Thực hiện một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: điều chỉnh hành vi , phát triển bản thân,kĩ năng kiểm soát,nhận thức, quản lí bản thân,lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

-Rèn luyện để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Có biểu hiện yêu nước qua thái độ nghiêm túc rèn luyện bản thân góp phần xây dựng đất nước

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy, thơ ca bài hát về chủ đề khám phá bản thân.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV cho chơi trò chơi: “Khắc phục điểm yếu của bản thân ” theo nhóm 4 hoặc 5 để khởi động bài học.  + GV gợi ý câu hỏi bạn nêu điểm mạnh của bản thân mình. Nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt.  - GV Kết luận, Biết khắc phcụ điểm yếu chúng ta sẽ thành công và có cuộc sống tốt đẹp hơn - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS nêu câu hỏi mình đã khắc phục được điểm yếu nào sau khí học bài ở tiết 1 ? Cho bạn trong nhóm trả lời  + HS trả lời theo hiểu biết của bản thân về sự thay đổi và khắc phục điểm yếu của bạn  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  **Tìm hiểu cách đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. (Làm việc nhóm bàn- nhóm đôi )**  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết và tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu của bản thân.  **-** Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu 1HS đọc đoạn hội thoại trong SGK về cách khám phá bản thân của bạn Hiền.  + Hiền khám phá bản thân bằng cách nào?    + Em còn biết cách nào khác để khám phá bản thân?  GV nhận xét tuyên dương, sửa sai (nếu có)  Để đánh giá đúng điểm mạnh , điểm yếu của bản thân em cần :  Luôn tự đánh giá mình qua kết quả của các hoạt động hàng ngày  + Lắng nghe nhận xét của người khác về mình và tự điều chỉnh mình,  + Tích cực tham gia các hoạt động tập thể để khám phá các khả năng của bản thân  +… | - 1 HS đọc đoạn hội thoại, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.  + Suy nghĩ và viết ra những điểm mạnh điểm yếu cua bản thân  + Thường xuyên hỏi bạnbè và người thân về điểm mạnh và điểm yếu của mình, luôn lắng nghe ý kiến của mọi người để điều chỉnh mình  + Hăng hái tham gia nhiều hoạt động tập thể của lớp, trường để khám phá bản thân.  + Hiện lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân  + Học sinh tự nêucách và kế hoạch của mình.  + HS lắng nghe, rút kinh nghiêm. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố kiến thức về tìm hiểu khám phá điểm mạnh của bản thân  + Vận dụng vào thực tiễn để thực hiện phát huy điểm mạnh để cuộc sống tốt đẹp hơn.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng hình thức thi “Chia sẻ những việc làm của mình để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân”  + GV yêu cầu học sinh chia ra thành các nhóm (3-4 nhóm). Mỗi bạn thực hành trong nhóm việc làm để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của mình.  + Mời các thành viên trong lớp nhận xét trao giải cho nhóm có nhiều thành công nhất.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS chia nhóm và tham gia thực hành nêu những thành tích và thành công trong học tập của mình và thành tích các hoạt động của bản trước nhóm  + Lần lượt các nhóm thực hành theo yêu cầu giáo viên.  + Các nhóm trình bày, theo dõi ,nhận xét bình chọn  - HS lắng nghe,rút kinh nghiệm |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**KỸ NĂNG SỐNG**

**BÀI 2: KĨ NĂNG PHÒNG TRÁNH TAI NẠN , TH­ƯƠNG TÍCH ( TIẾT 3)**

**I MỤC TIÊU**

- Học sinh nhận biết các hành vi nguy hiểm có thể xảy ra gây tai nạn thương tích cho mình và những người xung quanh.

- Biết từ chối và khuyên các bạn không tham gia các hành vi gây tai nạn thương tích.

- Học sinh rèn kĩ năng giao tiếp thông qua các hoạt động

II **PHƯƠNG TIỆN DẠY VÀ HỌC**

- Bài tập thực hành kĩ năng sống

III HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1: **Ổn định tổ chức**.- Giới thiệu môn học

**2: Kiểm tra bài cũ**.- Kiểm tra sách của học sinh

**3: Bài mới**

***a: Giới thiệu bài***

***b; Dạy bài mới***

*Hoạt động 1*: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- GV treo trnh ,yêu cầu HS quan sát

- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm để nêu tên cho từng tính huống và nêu điều nguy hiểm có thể xảy ra thường từng tình huống đó.

GV ghi tên TH

TH 1: Đốt pháo nổ.

TH 2: Chơi bắn súng cao su vào nhau. : Bắn vào nhau làm thư­ơng ở mặt , mắt

TH 3: ChơI trên đ­ường ray . : Sẽ bị tàu đâm

TH 4: Tr­ợt trên thành cầu thang Bị ngã đau

- Gọi học sinh nhận xét

- GV kết luận tranh

Hoạt động 2: Xử lí tình huống

- Gv nêu yêu cầu: Nếu em chứng kiến việc làm của các bạn trong từng tình huống trên em sẽ khuyên các bạn nh thế nào?

- Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi

- Gọi đại diện các nhó nêu ý kiến

- HS nhận xét

- Giáo viên đ­a giải pháp đúng cho từng tranh

**4: Củng cố:** Nêu lại các điều nguy hiểm ở các tranh.

**5:Dặn dò:** Thực hiện theo lời khuyên ở hoạt động 2

Luyện toán:

**ÔN SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- So sánh được các số trong phạm vi 10.000; viết bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Bảng nhóm.

**III. Hoạt động dạy học**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **1. Khởi động** – Hát 3’  **2. Luyện tập** 30’  *Bài 1:* Điền số <,>,=  a) 1942…998 8650…8651  3999…4000 9156…6951  6742…6722 1956…1956  800+8…8009 7519…7591  *Bài 2:* Đúng ghi Đ, sai ghi S.  6km = 6000m  70 phút > 60 phút  700 cm < 6m  55 phút = 1 giờ  80 phút = 8 giờ  2 giờ < 2 giờ 30 phút.  6 kg > 7000g  *Bài 3:*  a/ Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.  8293; 8239; 8932; 8923; 8392; 8329.  b/ Xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.  7423; 7432; 7028; 5084; 7003; 2030.  --Yêu cầu HS làm bài.  -Nhận xét  **\*Củng cố, dặn dò**: Nhận xét tiết học. 2’ | - 2HS làm bài ở bảng, lớp làm vở.  - HS trao đổi nhóm đôi làm bài.  - Nhận xét.  - 2HS làm bài ở bảng, lớp làm vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

....................................................................................................................................

....................................................................................................................................

....................................................................................................................................

L. Tiếng Việt:

**NGHE - VIẾT: LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THẾ DỤC**

**(Nghe- viết đoạn 2 Từ: Vậy nên…. Như vậy là sức khỏe)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Yêu cầu cần đạt**  - Rèn kỹ năng viết chính tả cho HS  **-** Cách trình bày bài chính tả  - Làm bài tập điền vần iêc hoặc iêt  **II. Đồ dùng dạy học:**  - Bảng phụ  **III. Các hoạt động dạy học:**  ***\* Hoạt động 1: Luyện viết 20’***  - HS đọc doạn chính tả  - GV đọc cho 3 HS lên bảng viết, cả lớp viết vào bảng con các từ: *bổn phận, khí huyết, lưu thông, sức khỏe,…*  - GV đọc cho HS viết đoạn 2 của bài.  - GV chấm bài  *\** ***Hoạt động 2 : Bài tập 10’***  1. Điền vần ***iêc*** hoặc vần ***iêt*** vào từng chỗ trống cho phù hợp.  a. mắng nh …..... b. làm x….. c.tiêu d…..  d. hiểu b………... e. thương t……… g. xanh b……    2. Điền từ ngữ vào từng ô trống cho phù hợp:   |  |  | | --- | --- | | Từ có vần ***iêt*** | Từ có vần ***iêc*** | | M: thiệt  a. …………………………………….. | M: liếc  b. ……………………………………... |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**  ....................................................................................................................................  ................................................................................................................................... |